TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2018/DS-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ
Ông Đỗ Xuân Phi

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2016/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2016 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216a/2018/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2018/QĐHPTST-DS ngày 05/4/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đức P; Địa chỉ tại Km948+600 Quốc lộ 1A, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; Người đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị Thùy N, chức vụ: Giám đốc. Bà Lê Thị Thùy N ủy quyền cho ông Đinh Xuân L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 40 đường B 4, phường K, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lương Anh T, sinh năm 1981 và ông Đàm Ngọc D, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ tại K152/29 đường P, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Võ Xuân H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Số 81 đường T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đức P (sau đây gọi tắt là Công ty Tân Đức P) yêu cầu khởi kiện như sau:

Năm 2009 bà Lương Anh T được tuyển dụng vào làm Công ty Tân Đức P, chức vụ Kế toán trưởng, công việc được giao làm các thủ tục nộp tiền vào tài khoản, chuyển tiền qua tài khoản, trả nợ tiền gốc và tiền lãi vay cho ngân hàng. Qua thời gian làm việc bà Lương Anh T được Công ty tin tưởng giao tiền mặt đi

nộp vào tài khoản của Công ty cũng như làm các thủ tục chuyển tiền, trong quá trình được giao nhiệm vụ bà T đã nảy sinh lòng tham có ý đồ chiếm đoạt tiền của Công ty nên đã yêu cầu ngân hàng cắt tin nhắn thông báo các giao dịch trong tài khoản của Công ty tại ngân hàng đến số điện thoại của Giám đốc, đồng thời chuyển thông báo này sang số điện thoại chính của bà T sử dụng, lợi dụng sự tin tưởng của Công ty nên nhiều lần Công ty giao tiền mặt để bà đi nộp ngân hàng thì bà không nộp mà đã chiếm dụng số tiền này. Sau khi biết được sự việc trên, Công ty đã đối chiếu sổ sách tiền mặt với ngân hàng thì xác định từ tháng 5/2013 đến ngày 31/12/2013 bà Lương Anh T đã chiếm đoạt của Công ty số tiền mặt tổng cộng 1.784.186.000 đồng. Nghiêm trọng hơn là ngày 01/10/2013 bằng các thủ đoạn gian dối bà Lương Anh T đã làm giả khế ước vay tiền kiêm Giấy nhận nợ của Công ty và làm giả hai ủy nhiệm chi để vay Ngân hàng Eximbank Đà Nẵng số tiền 1.500.000.000 đồng, số tiền này bà Lương Anh T chuyển về hai Công ty gồm Công ty cổ phần P và Công ty TNHH M, hai doanh nghiệp này do bà Lương Anh T và chồng là Đàm Ngọc D làm thành viên sáng lập và do bà Lương Anh T đứng tên đại diện theo pháp luật. Sau khi Công ty phát hiện thì bà T và ông D đã thừa nhận lấy số tiền trên và xin thời hạn 01 tháng để khắc phục hậu quả, sau đó bà T đã chuyển trả cho Công ty số tiền 2.100.000.0000 đồng, trong đó có 1.500.000.000 đồng mà bà T đã làm giả khế ước vay tiền để chiếm đoạt tiền của Công ty tại Ngân hàng Eximbank Đà Nẵng. Số tiền còn lại 1.184.186.000 đồng bà T và ông D cam kết sẽ hoàn trả số tiền này trong thời hạn mười hai ngày theo giấy cam kết do bà T và ông D viết đề ngày 07/02/2014 nội dung "Vợ chồng cam kết đến ngày 19/12/2014 sẽ hoàn trả số tiền 1.200.000.000 đồng vào tài khoản Công ty Tân Đức P tại Ngân hàng Exim bank Đà Nẵng. Nếu không trả được số tiền trên thì ông D và bà T giao nhà và đất ở tại số 59, 60 An Cư 2, phường An Hải Bắc, Sơn Trà cho ông Võ Xuân H". Đã hết thời hạn theo Giấy cam kết nhưng bà T và ông D vẫn không hoàn trả số tiền trên cho Công ty nên Công ty đã khởi kiện buộc bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải hoàn trả số tiền 1.200.000.000 đồng theo giấy cam kết. Quá trình tố tụng Công ty nhận thấy bà T có hành vi làm giả các tài liệu của Công ty để lừa dối Ngân hàng Eximbank Đà Nẵng nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty nên đã đề nghị Tòa án chuyển thông tin tố giác tội phạm cho Cơ quan Công an điều tra làm rõ xử lý về hình sự. Tuy nhiên, qua xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng cho rằng số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà T làm giả khế ước vay tiền tại ngân hàng đã được bà T khắc phục hậu quả bằng cách nộp số tiền tất toán trước khi Công ty Tân Đức P làm đơn tố cáo nên cả Công ty Tân Đức P và Ngân hàng Eximbank đều không bị thiệt hại, còn số tiền mặt là 1.784.186.000 đồng mà bà T chiếm đoạt thì Công ty không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên nội dung tố cáo của Công ty đối với bà Lương Anh T không có dấu hiệu của tội phạm hình sự. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải trả cho Công ty Tân Đức P

số tiền 1.169.897.900 đồng theo lời khai nhận nợ của bà T tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng.

- Đối với bị đơn bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D Toà án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo lời khai của bà T tại Cơ quan điều tra thể hiện bà T có nợ ông Võ Xuân H số tiền 1.169.897.900 đồng.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân H như sau: Ông là thành viên góp vốn 50% vào Công ty Tân Đức P, đồng thời là Phó Giám đốc Công ty, tại phiên tòa ông H có cung cấp thêm chứng cứ là Bản chính Giấy nhận đặt cọc ký ngày 02/12/2013 có nội dung "Chúng tôi gồm ông Đàm Ngọc D và bà Lương Anh T, chúng tôi có nhận của ông Võ Xuân H số tiền 3.300.000.000 đồng để bán ngôi nhà theo GCNQSDĐ BG 670929 tại địa chỉ K59+60 An Cư 2, phường An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng, tờ bản đồ số K, thửa đất 59, 60 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/12/2012 với giá bán như trên" theo ông H trình bày sở dĩ có giấy nhận đặt cọc này là xuất phát từ việc bà Lương Anh T chiếm đoạt tiền của Công ty Tân Đức P và khi bị Công ty phát hiện thì vợ chồng bà T xin và tự nguyện viết Giấy nhận đặt cọc này để đảm bảo việc hoàn trả số tiền trên cho Công ty Tân Đức P, sau khi viết Giấy nhận cọc thì bà T đã chuyển trả cho Công ty số tiền 2.100.000.000 đồng; còn lại 1.200.000.000 đồng bà T và ông D đã viết Giấy cam kết đến ngày 19/02/2014 sẽ hoàn trả số tiền trên vào tài khoản Công ty Tân Đức P, nếu không trả được thì sẽ giao ngôi nhà tại K59+60 An Cư 2, phường An Hải Bắc, quậnSơn Trà, thành phố Đà Nẵng cho ông H theo Giấy nhận cọc mua bán nhà trước đó. Như vậy, ông H khẳng định số tiền 3.300.000.000 đồng thể hiện trong giấy nhận đặt cọc nêu trên là số tiền mà bà T chiếm đoạt của Công ty chứ thực tế không có việc nhận đặt cọc để mua bán nhà đất, được sự đồng ý của Giám đốc Công ty nên ông H là cá nhân đứng tên trong giấy nhận đặt cọc để làm cam kết này, tại Cơ quan điều tra bà T khai có nợ ông H số tiền 1.169.897.900 đồng, thực tế số tiền này là của Công ty Tân Đức P chứ không phải số tiền của cá nhân ông H nên ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải trả số tiền 1.169.897.900 đồng cho Công ty Tân Đức P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết như sau:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của bà Lương Anh T tại Cơ quan điều tra xác định bà T có mượn tiền nhiều lần của ông Võ Xuân H và hiện nay còn nợ ông Võ Xuân H số tiền 1.169.897.900 đồng, tại phiên tòa ông H cho rằng số tiền này

là của Công ty Tân Đúc P chứ không phải tiền cá nhân ông nên ông đồng ý buộc bà T và ông D phải trả cho Công ty Tân Đức P số tiền 1.169.897.900 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện buộc bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải trả cho Công ty Tân Đức P số tiền còn nợ 1.169.897.900 đồng. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan buộc bị đơn bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải trả cho Công ty Tân Đức P số tiền 1.169.897.900 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung: Bà Lương Anh T là Kế toán trưởng của Công ty Tân Đức P, công việc được giao làm các thủ tục nộp tiền vào tài khoản, chuyển tiền qua tài khoản, trả nợ tiền gốc và tiền lãi vay cho ngân hàng. Theo nguyên đơn trình bày, qua thời gian làm việc, lợi dụng sự tin tưởng của Công ty trong công việc được giao bà Lương Anh T đã làm các thủ tục lấy tiền của Công ty cho cá nhân mình, cụ thể: Nhiều lần Công ty giao tiền mặt cho bà T đi nộp vào tài khoản của Công ty tại ngân hàng nhưng bà T đã không nộp mà chiếm dụng số tiền đó cho cá nhân với số tiền 1.784.186.000 đồng và đặc biệt hơn bà T đã làm giả khế ước vay tiền tiền kiêm Giấy nhận nợ của Công ty và làm giả hai ủy nhiệm chi để vay Ngân hàng Eximbank Đà Nẵng số tiền 1.500.000.000 đồng đứng tên vay là Công ty Tân Đức P, số tiền này bà Lương Anh T chuyển về hai Công ty gồm Công ty cổ phần H 800.000.000 đồng và Công ty M 700.000.000 đồng, hai doanh nghiệp này do bà Lương Anh T và chồng là Đàm Ngọc D làm thành viên sáng lập và bà Lương Anh T đứng tên đại diện theo pháp luật.

[3] Theo đơn yêu cầu của nguyên đơn và xét thấy hành vi của bà Lương Anh T có dấu hiệu của tội phạm hình sự nên Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã chuyển thông tin tố giác tội phạm cho Cơ quan điều tra xác minh, điều tra làm rõ và đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng xác định số tiền 1.500.000.000 đồng mà bà T làm giả khế ước vay tiền tại Ngân hàng Eximbank đã được bà T khắc phục hậu quả bằng cách nộp số tiền tất toán trước khi Công ty Tân Đức P làm đơn tố cáo nên cả Công ty Tân Đức P và Ngân hàng Eximbank đều không bị thiệt hại; đối với số tiền mặt là 1.784.186.000 đồng mà công ty Tân Đức P cho rằng bà T chiếm đoạt của Công ty thì Công ty không có

tài liệu chứng cứ chứng minh nên nội dung tố cáo của Công ty Tân Đức P đối với bà Lương Anh T không có dấu hiệu của tội phạm hình sự theo Công văn số 285/PC46(Đ5) ngày 20/9/2017.

[4] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện buộc bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải trả cho Công ty Tân Đức P số tiền 1.169.897.900 đồng theo lời khai nhận nợ tại Cơ quan điều tra vì thực tế số tiền này là của Công ty Tân Đức P. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân H có ý kiến ông là thành viên góp vốn 50% vào Công ty Tân Đức P, đồng thời là Phó Giám đốc Công ty, quá trình làm việc tại Công ty bà T đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của Công ty, sở dĩ có Giấy nhận đặt cọc ký ngày 02/12/2013 là vì khi bị Công ty phát hiện thì vợ chồng bà T xin và tự nguyện viết Giấy nhận đặt cọc này để đảm bảo việc hoàn trả số tiền trên cho Công ty Tân Đức P, sau khi viết Giấy nhận cọc thì bà T đã chuyển trả cho Công ty số tiền 2.100.000.000 đồng; còn lại 1.200.000.000 đồng bà T và ông D đã viết Giấy cam kết đến ngày 19/02/2014 sẽ hoàn trả số tiền trên vào tài khoản Công ty Tân Đức P, nội dung Giấy cam kết mặc dù không nói trả cho ai nhưng thực tế số tiền này là của Công ty Tân Đức P và nếu không trả được thì sẽ giao ngôi nhà tại K59+60 An Cư 2, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cho ông H theo Giấy nhận cọc mua bán nhà trước đó. Như vậy, ông H khẳng định số tiền 3.300.000.000 đồng thể hiện trong giấy nhận đặt cọc nêu trên là số tiền mà bà T chiếm đoạt của Công ty chứ thực tế không có việc nhận đặt cọc để mua bán nhà đất, tại Cơ quan điều tra bà T có khai đã nhiều lần mượn tiền ông H và nay còn nợ số tiền 1.169.897.900 đồng là nhằm trốn tránh hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản do Công ty không có chứng cứ chứng minh. Số tiền nợ bà T khai nêu trên thực tế là tiền của Công ty Tân Đức P chứ không phải tiền của cá nhân ông H. Nay ông cũng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải trả số tiền 1.169.897.900 đồng cho Công ty Tân Đức P.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Giấy cam kết đề ngày 07/02/2014 do bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D viết có nội dung "Vợ chồng cam kết đến ngày 19/12/2014 sẽ hoàn trả số tiền 1.200.000.000 đồng vào tài khoản Công ty Tân Đức P tại Ngân hàng Exim bank Đà Nẵng". Nếu không trả được số tiền đó thì ông D và bà T chấp nhận giao ngôi nhà tại số 59 + 60 An Cư 2, phường An Hải Bắc, Sơn Trà, Đà Nẵng theo Giấy nhận đặt cọc mua bán nhà trước đó cho ông Võ Xuân H". Theo nội dung Giấy cam kết nêu trên không thể hiện hoàn trả số tiền 1.200.000.000 đồng cho ai và vì sao phải hoàn trả số tiền này, nội dung khởi kiện ban đầu của nguyên đơn cho rằng số tiền 1.200.000.000 đồng mà bà T và ông D viết Giấy cam kết chuyển trả nêu trên nằm trong số tiền 1.784.186.000 đồng mà bà T đã chiếm đoạt của Công ty nhưng Công ty lại không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh bà T lấy số tiền này của Công ty, đồng thời tại Công văn số 285/PC46(Đ5) ngày 20/9/2017 của Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng cũng khẳng định số tiền mặt 1.784.186.000 đồng mà công ty Tân Đức P cho rằng bà T chiếm đoạt của Công ty thì Công ty không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên nội dung tố cáo của Công ty Tân Đức P đối với bà Lương Anh T không có dấu hiệu của tội phạm hình sự. Vì vậy, không có đủ chứng cứ để cho rằng bà T có chiếm đoạt của Công ty Tân Đức P số tiền 1.784.186.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng cung cấp là lời khai của bà Lương Anh T thì bà T thừa nhận đã nhiều lần mượn tiền của ông H và hiện nay còn nợ ông H số tiền 1.169.897.900 đồng, tại phiên tòa ông H xác định số tiền mà bà T còn nợ nêu trên là tiền của Công ty Tân Đức P chứ không phải tiền cá nhân ông nên đây là chứng cứ duy nhất xác định bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D có nợ Công ty Tân Đức P số tiền 1.169.897.900 đồng. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn buộc bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải trả cho Công ty Tân Đức P số tiền 1.169.897.900 đồng theo quy định tại Điều 290 Bộ luật dân sự 2005. Về số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nguyên đơn không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, kể từ ngày bên được thi hành án là Công ty Tân Đức P có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ thi hành án là bà Lương Anh T không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu hai bên không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải chịu 47.096.937 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Tân Đức P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 290 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đức P về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" đối với bị đơn bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D.

2. Xử: Buộc bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đức P số tiền 1.169.897.900 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 47.096.937 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng) bà Lương Anh T và ông Đàm Ngọc D phải chịu.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Đức P số tiền: 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 2793 ngày 27 tháng 10 năm 2016.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh khê, TP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng